

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LÂM HÀ  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2022/HNGĐ - ST

Ngày: 12-7-2022  
V/v ly hôn

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Như Quỳnh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Ngô Thị Luân

2. Bà Trần Thị Hằng

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phan Khắc Duy – là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 145/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2022 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2022/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị T sinh năm: 1989

*Địa chỉ:* Tổ dân phố Y, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

*Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T1 sinh năm: 1988

*Địa chỉ:* Tổ dân phố T, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

*(Các đương sự đều vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo nguyên đơn chị Hoàng Thị T trình bày:* Chị và anh T1 xây dựng gia đình với nhau năm 2009, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân

dân thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Quá trình chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau nên thường xuyên cãi nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Hiện vợ chồng đã tự ly thân được khoảng 02 năm, trong thời gian ly thân vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Nay chị T xác định không còn tình cảm với anh T1 nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn. Về con chung: Chị T xác định quá trình chung sống có 02 con chung là Nguyễn My K và Nguyễn Mai K1, cùng sinh ngày 18/8/2011. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi cháu My K còn giao cháu Mai K1 cho anh T1 có trách nhiệm nuôi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung chị T xác định không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như kết quả phiên họp... nhưng anh T1 đều vắng mặt khi Tòa án triệu tập và không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của chị T. Đồng thời, anh T1 không xuất trình tài liệu chứng cứ nào cho Tòa án.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T1 vắng mặt nên không hòa giải được và Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ cho anh T1 nhưng anh T1 không có ý kiến gì. Vì vậy, Tòa án triển khai đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, cụ thể: Thẩm phán, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự phiên tòa sơ thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, đương sự có mặt tại phiên tòa đã chấp hành đúng nội quy phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của chị T, xử cho chị T được ly hôn với anh T1. Về con chung đề nghị giao cả hai con là Nguyễn My K, sinh ngày 18/8/2011 và Nguyễn Mai K1, sinh ngày 18/8/2011 cho chị T có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không đặt ra xem xét giải quyết. Về án phí: đề nghị buộc chị T phải chịu án phí theo quy định.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Hoàng Thị T vắng mặt nhưng có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt còn bị đơn anh Nguyễn Văn T1 đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng nên căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 cần xem xét xử vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung là phù hợp.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh T1 xây dựng gia đình với nhau năm 2009 trên cơ sở tình tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 21/7/2009. Quá trình vợ chồng chung sống không hòa thuận hạnh phúc nên chị T làm đơn ly hôn. Tại phiên tòa, các đương sự vắng mặt nhưng trong lời khai có trong hồ sơ chị T xác định do vợ chồng không hợp nhau, hay cãi nhau, không hạnh phúc nên chị T nguyên yêu cầu được ly hôn còn anh T1 không có lời khai. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh T1 phát sinh là do vợ chồng không hợp nhau nên hay cãi nhau. Ngoài ra, theo kết quả xác minh tại địa phương thì được biết do anh T1 ham chơi, không chăm lo phát triển kinh tế gia đình, không chia sẻ với chị T trong việc nuôi dạy các con. Do không tìm được biện pháp để cải thiện tình cảm nên vợ chồng đã tự sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay, trong thời gian ly thân các đương sự không còn sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T1 nhưng anh T1 đều vắng mặt không rõ lý do nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được, điều này cũng chứng tỏ anh T1 không có thiện chí để hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị T. Vì vậy, nếu cứ kéo dài tình trạng hôn nhân như hiện nay cũng không mang lại hạnh phúc cho các đương sự do mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn xin ly hôn của chị T, xử cho chị T và anh T1 được ly hôn là hoàn toàn phù hợp.

[3]. Về con chung: Chị T và anh T1 có 02 con chung là Nguyễn My K và Nguyễn Mai K1 cùng sinh ngày 18/8/2011. Tại đơn ly hôn chị T yêu cầu được nuôi cháu My K, giao cháu Mai K1 cho anh T1 nuôi nhưng quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án thì chị T yêu cầu được nuôi cả hai con. Xét thấy, hai cháu My K và Mai K1 đều đã trên 7 tuổi và có nguyện vọng được ở cùng chị T đồng thời từ khi vợ chồng ly thân thì các cháu vẫn sống cùng với chị T do chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Do đó để đảm bảo tâm lý ổn định cho trẻ, căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giao cả hai con cho chị T có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của con là phù hợp.

Về việc cấp dưỡng nuôi con, tại phiên tòa chị T không yêu cầu nên không xem xét.

[4]. Về tài sản chung và nợ chung: Chị T xác định vợ chồng không có nên không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Điều 53, khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 147; Điều 203; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

#### **Xử:**

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị của chị Hoàng Thị T, xử cho chị Hoàng Thị T và anh Nguyễn Văn T1 được ly hôn.

2/ Về con chung: Giao hai con con là Nguyễn My K, sinh ngày 18/8/2011 và Nguyễn Mai K1, sinh ngày 18/8/2011 cho chị Hoàng Thị T có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của con. Anh Nguyễn Văn T1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3/ Về án phí: Chị Hoàng Thị T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tiền số 0003120 ngày 18/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, chị T đã nộp đủ án phí.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Lâm Hà;
- THA dân sự huyện Lâm Hà;
- Ban tư pháp nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

**Nguyễn Thị Như Quỳnh**